

Bản án số: 124/2019/DS-ST

Ngày: 30 - 10 - 2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Tư

Ông Nguyễn Văn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Quyên - Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2019/TLST-DS ngày 18/7/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 829/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà M, ấp P1, xã P2, huyện C, tỉnh Bến Tre

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Minh T, sinh năm 1992. Nơi cư trú: ấp R, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long theo Văn bản ủy quyền ngày 01/7/2019 (có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều L, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà D, đường Đ, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Tuấn L, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp H1, xã H2, huyện M, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/5/2019 và quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thanh T cùng người đại diện theo ủy quyền của bà T trình bày:

Ngày 13/11/2018, bà Nguyễn Thị Kiều L xác lập với bà T Giấy vay tiền, số tiền vay 85.000.000đ, thời hạn vay 03 tháng, thỏa thuận bằng lời nói lãi suất 3%/tháng. Ngày 13/12/2018, bà L tiếp tục xác lập với bà T giấy vay tiền, số tiền vay 145.000.000đ, thời hạn vay 01 tháng, thỏa thuận bằng lời nói lãi suất 3%/tháng. Cả hai lần vay trên có người làm chứng là Nguyễn Tuấn L ký tên vào giấy vay tiền. Bà T đã nhận tiền lãi từ bà L trả như sau: Lần thứ nhất ngày 13/12/2018 là 1.950.000đ, lần thứ hai vào ngày 13/01/2019 là 6.900.000đ, lần thứ ba vào ngày 13/02/2019 là 6.900.000đ; tổng cộng: 15.750.000đ.

Bà T nhiều lần yêu cầu bà L thanh toán nợ gốc, lãi theo thỏa thuận nhưng bà L không trả nợ. Bà T khởi kiện yêu cầu bà L trả bà T tiền vay gốc hai lần là 230.000.000đ và tiền lãi nợ quá hạn theo mức lãi suất 0,75%/tháng từ ngày 13/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đối với bị đơn Nguyễn Thị Kiều L: Tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, Tòa án không nhận văn bản trình bày ý kiến của bà L gửi Tòa án. Tòa án cũng không tiến hành phiên hòa giải được do bị đơn vắng mặt hai lần, không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị đơn vắng mặt lần thứ hai. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xác định đồng ý tiền lãi đã nhận vượt quá mức lãi suất pháp luật quy định khấu trừ vào nợ gốc bị đơn phải trả, tiền lãi yêu cầu lãi suất 0,75%/tháng tính từ ngày 13/3/2019 đến ngày làm đơn khởi kiện 03/5/2019.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Buộc bà L trả bà T tổng cộng số tiền vay gốc và lãi 226.088.000đ, trong đó: nợ gốc 223.297.000đ, nợ lãi 2.791.000đ. Buộc bà L nộp 11.304.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà T khởi kiện bà Kiều L tranh chấp hợp đồng vay tài sản vì cho rằng có quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, là có quyền khởi kiện. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố V, nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai, dù đã được triệu tập hợp lệ. Người làm chứng Nguyễn Tuấn L có ý kiến đề nghị xét xử

vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Kiều L, ông Tuấn L. Vì vậy, thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 26, 35, 39, 186, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Hai Giấy vay tiền đề ngày 13/11/2018, 13/12/2018 được ông Nguyễn Tuấn L là người làm chứng xác định ông Nguyễn Tuấn L trực tiếp chứng kiến việc bà Nguyễn Thị Kiều L ký tên, ghi họ và tên của bà Kiều L vào hai giấy vay tiền; việc bà Nguyễn Thị Kiều L viết và ký tên vào hai giấy vay tiền là tự nguyện, không ai ép buộc bà Kiều L viết, ký tên. Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Nguyễn Thị Kiều L vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Như vậy, bà L từ chối, không tham gia quá trình tiến hành tố tụng tại Tòa án, không cung cấp văn bản phản đối tình tiết, sự kiện do nguyên đơn đưa ra. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và căn cứ lời trình bày của người làm chứng Nguyễn Tuấn L, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Hợp đồng vay tài sản các ngày 13/11/2018, 13/12/2018 giữa bà T với bà L là hợp đồng vay có thời hạn. Lãi suất hai bên đương sự thỏa thuận 3%/tháng là vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 "...không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...". Vì vậy, lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

Ngày 13/12/2018, bà L trả tiền lãi bà T nhận của hợp đồng vay ngày 13/11/2018, số tiền vay 85.000.000đ là 1.950.000đ. Ngày 13/01/2019, bà L trả tiền lãi bà T nhận với lãi suất 3%/tháng của hai hợp đồng vay 13/11/2018, 13/12/2018, tổng tiền vay gốc 230.000.000đ là 6.900.000đ. Ngày 13/02/2019, bà L tiếp tục trả tiền lãi bà T nhận với lãi suất 3%/tháng của tổng tiền vay gốc 230.000.000đ là 6.900.000đ, tổng cộng: 15.750.000đ. Tiền lãi được tính lại như sau:

- Số tiền vay 85.000.000đ của Hợp đồng vay ngày 13/11/2018: $85.000.000đ \times 1,66\% \times 01 \text{ tháng} = 1.411.000đ$.

- Số tiền vay 230.000.000đ của hai Hợp đồng vay ngày 13/11/2018, 13/12/2018 tính đến 13/02/2019 là: $230.000.000đ \times 1,66\% \times 02 \text{ tháng} = 7.636.000đ$.

Tổng cộng tiền lãi: 9.047.000đ.

Bà T đã nhận của bà L trả 03 tháng lãi 15.750.000đ. Tiền lãi vượt quá: $15.750.000đ - 9.047.000đ = 6.703.000đ$ được khấu trừ vào tiền vay gốc phải trả. Tiền vay gốc còn lại là: $230.000.000đ - 6.703.000đ = 223.297.000đ$.

[3] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với lãi suất 0,75%/tháng từ ngày 13/3/2019 đến ngày 03/5/2019. Xét yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận. Bị đơn phải trả nguyên đơn tiền lãi như sau: $223.297.000đ \times 0,75\% \times 01 \text{ tháng} 20 \text{ ngày} = 2.791.000đ$.

Tổng cộng tiền gốc, lãi bị đơn phải trả nguyên đơn là 223.297.000đ + 2.791.000đ = 226.088.000đ.

[4] Án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Kiều L nộp 11.304.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long là có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 186, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T.

Buộc bà Nguyễn Thị Kiều L trả bà Nguyễn Thị Thanh T tổng cộng số tiền vay gốc và lãi 226.088.000đ (hai trăm hai mươi sáu triệu không trăm tám mươi tám ngàn đồng), trong đó: nợ gốc 223.297.000đ (hai trăm hai mươi ba triệu hai trăm chín mươi bảy ngàn đồng), nợ lãi 2.791.000đ (hai triệu bảy trăm chín mươi một ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Kiều L nộp 11.304.000đ (mười một triệu ba trăm lẻ bốn ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí 5.866.000đ (năm triệu tám trăm sáu mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số No 0004661 ngày 01/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- Đương sự: 2;
- Lưu: 5.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân